

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2**

BÙI THỊ LOAN

**GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC
CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KĨ NĂNG SỐNG**

Chuyên ngành: Giáo dục học

Mã số: 9.14.01.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2021

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2

Người hướng dẫn khoa học:

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Trường chấm luận án tiến sĩ
họp tại

Vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xã hội hiện đại, phòng chống xâm hại tình dục là một trong những kỹ năng sống có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Xâm hại tình dục trẻ em đã và đang trở thành vấn nạn của toàn cầu, luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của chính phủ và cộng đồng quốc tế. Xâm hại tình dục (XHTD) có thể xảy ra với bất cứ trẻ nào, vào bất kì tình huống nào, tại bất cứ nơi đâu trên toàn thế giới. Không chỉ riêng bé gái mà bé trai đều có thể bị xâm hại tình dục. Theo thống kê của UNFPA: “9 tuổi là độ tuổi trung bình mà trẻ em bị XHTD trên toàn thế giới trong đó, cứ 4 bé gái có 1 bé bị XHTD, cứ 6 bé trai có 1 bé bị XHTD, trung bình cứ 8 tiếng lại có thêm một trẻ em bị XHTD và đặc biệt 93% đối tượng phạm tội là người thân quen với gia đình nạn nhân, 47% thủ phạm là người thân của nạn nhân”.

Hậu quả của XHTD luôn để lại cho trẻ thơ những tổn thương sâu sắc. chính vì vậy, Công ước quốc tế về chống buôn bán người và bóc lột tình dục 1949; Công ước của hội đồng Châu Âu về bảo vệ trẻ em chống lại bóc lột và XHTD đặc biệt là Công ước của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em 1989 đã khẳng định: “Không một ai, kể cả cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, anh em, họ hàng, thầy cô giáo, hàng xóm hay người xa lạ với gia đình có thể lạm dụng và xâm hại trẻ em về tình dục. XHTD là một tội ác, nếu cha mẹ hay người có trách nhiệm chăm sóc các em nhận thấy những điều đó mà không báo cho các nhà chức trách thì bị coi là kẻ đồng phạm” [35]...(Trích điều 16)

Thực tế giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh chưa đạt kết quả như mong muốn.

Thực hiện Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 23/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-2025, phòng chống XHTD đã trở thành một phần nội dung giáo dục giới tính trong nhà trường tiểu học, giúp các em hình thành và phát triển kỹ năng bảo vệ bản thân một cách an toàn. Tuy nhiên, thực tế tại nhiều trường tiểu học hiện nay, nội dung này vẫn mang tính hình thức, chưa thống nhất về chương trình và các tiêu chí đánh giá. Kỹ năng phòng chống XHTD cho học sinh tiểu học (HSTH) còn thiên về nhận thức: Học sinh có thể có nhận thức đúng nhưng chưa đủ năng lực thực hiện hành động một cách tích cực. Quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH chưa thực sự tạo ra cơ hội để các em trải nghiệm, rèn luyện những hành động tích cực cho nên dẫn tới thực trạng trẻ thiếu kỹ năng tự vệ, thiếu kiến thức cần thiết để nhận diện và ứng phó hay tìm kiếm sự giúp đỡ trước hành vi XHTD mà trái lại, các em thường bị động, dễ rơi vào tình huống nguy hiểm.

Đặc biệt, tiếp cận kỹ năng sống (KNS) trong giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH là xu thế tất yếu, phù hợp với định hướng đổi mới và yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 với những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; chú trọng thực hành, vận dụng giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống.

Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi đã lựa chọn và nghiên cứu đề tài: “***Giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống***”.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đề xuất biện pháp giáo dục phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS nhằm giúp HSTH ứng phó tích cực với XHTD từ đó, góp phần bảo vệ bản thân an toàn, lành mạnh.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận KNS.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận KNS.

4. Giả thuyết khoa học

Giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH là nhiệm vụ quan trọng góp phần bảo vệ bản thân các em một cách an toàn, lành mạnh song trong thực tế, giáo dục phòng chống XHTD cho HS còn hạn chế do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nếu thực hiện được quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS thì sẽ giúp các em có kiến thức (hiểu biết về phòng chống XHTD) đến thái độ và hành vi phù hợp (Cái các em làm và cách các em ứng phó với XHTD) qua đó nâng cao được chất lượng và hiệu quả của giáo dục bảo vệ bản thân cho HSTH.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Xây dựng cơ sở lý luận về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận KNS.

5.2. Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

5.3. Đề xuất biện pháp giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

5.4. Tổ chức thực nghiệm một số biện pháp giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận và cách tiếp cận nghiên cứu

6.1.1. Quan điểm hệ thống - cấu trúc

6.1.2. Quan điểm tích hợp

6.1.3. Quan điểm hoạt động

6.1.4. Tiếp cận kỹ năng sống

6.2. Phương pháp nghiên cứu

6.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

6.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

6.2.2.1. Phương pháp điều tra (bảng bảng hỏi)

6.2.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

6.2.2.3. Phương pháp chuyên gia

6.2.2.4. Phương pháp quan sát

6.2.2.5. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

6.2.2.6. Phương pháp nghiên cứu tài liệu, sản phẩm hoạt động

6.2.3. Nhóm phương pháp xử lý số liệu

7. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu: Luận án không nghiên cứu quá trình giáo dục sau khi HS bị XHTD mà chỉ tập trung nghiên cứu quá trình giáo dục phòng ngừa, ngăn chặn XHTD và ứng phó một cách tích cực trước khi bị XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

- Địa bàn nghiên cứu: Luận án tiến hành nghiên cứu học sinh lớp 4, lớp 5 tại các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong đó: Đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực thành thị (Trường tiểu học Phong Châu thị xã Phú Thọ; trường tiểu học Tiên Cát thành phố Việt Trì); đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực nông thôn (Trường tiểu học Tuy Lộc huyện Cẩm Khê; trường tiểu học Xuân Huy huyện Lâm Thao); đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực miền núi (Trường tiểu học Sơn Tình, huyện Cẩm Khê; trường tiểu học Tân Phú, huyện Tân Sơn).

- Thời gian khảo sát thực tế (Học kì 2 năm học 2017 - 2018, học kì 1 năm học 2018-2019); thời gian thực nghiệm sư phạm tại một số trường tiểu học (Học kì 2 năm học 2018 - 2019, học kì 1 năm học 2019 – 2020).

8. Những luận điểm bảo vệ

8.1. Phòng chống XHTD vừa là năng lực của cá nhân vừa là sản phẩm của quá trình giáo dục được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch, khoa học và hệ thống nhằm phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ XHTD đồng thời ứng phó một cách linh hoạt, tích cực trước khi bị XHTD từ đó bảo vệ cuộc sống của mỗi cá nhân một cách an toàn, lành mạnh.

8.2. Giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH muốn đạt được hiệu quả cao và thiết thực cần có sự phối hợp của nhiều quan điểm giáo dục khác nhau trong đó tiếp cận KNS là cốt lõi bởi cách tiếp cận này cho phép HSTH *chuyển dịch kiến thức* (Hiểu biết về phòng chống XHTD) đến *thái độ, giá trị* (Cái các em nghĩ/cảm thấy/tin tưởng thông qua trải nghiệm, đánh giá, lựa chọn giá trị) thành định hướng *hành động thực tiễn* (Cái các em làm và cách các em ứng phó với XHTD) theo xu hướng tích cực và mang tính chất xây dựng.

8.3. Phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS là kết quả của sự phối hợp chặt chẽ của quá trình giáo dục Gia đình – Nhà trường – Xã hội trong đó nhà trường cần tích cực chủ động và sáng tạo thể hiện vai trò chủ đạo của mình bằng nhiều biện pháp giáo dục: Thông qua tổ chức truyền thông; dạy học tích hợp; chủ đề chuyên biệt; tổ chức tư vấn học đường; hoạt động trải nghiệm; qua xử lý tình huống thực tiễn... nhằm hình thành và phát triển kỹ năng: Nhận diện XHTD; kiểm soát cảm xúc; phòng ngừa nguy cơ XHTD; ứng phó với hành vi XHTD.

9. Những đóng góp mới của luận án

9.1. Luận án góp phần làm sáng tỏ lý luận về giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS. Cụ thể: Xây dựng được khung lý luận cơ bản về giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS đặc biệt là xây dựng được bộ công cụ phân tích và đánh giá kỹ năng giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS bao gồm: Thang đánh giá KN nhận diện XHTD; KN kiểm soát cảm xúc; KN phòng ngừa XHTD; KN ứng phó với XHTD.

9.2. Luận án đã phát hiện những tồn tại và hạn chế trong quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HS theo tiếp cận KNS tại một số trường tiểu học (Đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực thành thị; khu vực nông thôn, khu vực miền núi) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đồng thời phân tích, đánh giá và xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình giáo dục này. Kết quả khảo sát cho thấy: Phải thay đổi cách giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH sang hướng tiếp cận KNS để không chỉ giáo dục kiến thức, thái độ mà quan trọng là giáo dục hành vi, thói quen phòng chống XHTD cho bản thân nói riêng và giáo dục kỹ năng tự bảo vệ nói chung.

9.3. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án đã đề xuất 6 biện pháp giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS. Luận án cũng đã tiến hành tổ chức 3/6 biện pháp trên ở HS lớp 4,5 tại 4 trường tiểu học (Đại diện cho mẫu trường thuộc khu vực thành thị; khu vực nông thôn, khu vực miền núi). Kết quả đã khẳng định, các biện pháp đề xuất có tính hiệu quả, tính cần thiết và khả năng ứng dụng cao trong thực tiễn. Nhà trường tiểu học có thể vận dụng các biện pháp này để thay đổi cách giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH nhằm cải thiện kết quả phòng chống XHTD cho HS nói riêng và kết quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ nói chung.

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ là tài liệu tham khảo cần thiết cho quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH, giáo viên tiểu học, PHHS, cán bộ cộng đồng. Bên cạnh đó, đây cũng là tài liệu học tập cho sinh viên ngành công tác xã hội, ngành tâm lý học lâm sàng, tâm lý học ứng dụng, ngành giáo dục tiểu học.

Kết quả của luận án góp phần giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh; giảm nguồn tài chính và chi phí xã hội cho việc phục hồi các tổn thương về mặt tâm lý cũng như thể chất cho nạn nhân bị XHTD từ đó, đảm bảo sự an toàn trong xã hội góp phần thực hiện an sinh xã hội.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KỸ NĂNG SỐNG

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

- 1.1.1. Những nghiên cứu về xâm hại tình dục trẻ em
- 1.1.2. Những nghiên cứu về phòng chống xâm hại tình dục
- 1.1.3. Những nghiên cứu về giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục
- 1.1.4. Những nghiên cứu về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống
 - 1.1.4.1. Một số chương trình quốc tế về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống
 - 1.1.4.2. Nghiên cứu trong nước về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống
- 1.1.5. Đánh giá chung kết quả đạt được của các hướng nghiên cứu và vấn đề cần giải quyết tiếp theo
 - 1.1.5.1. Đánh giá chung về tổng quan nghiên cứu vấn đề

Qua các công trình nghiên cứu và tài liệu về GD phòng chống XHTD cho HSTH cho thấy có sự khác biệt nhất định giữa các nghiên cứu trong nước và ngoài nước:

Phòng chống XHTD trẻ em đã được các nhà khoa học trên thế giới nghiên cứu, tìm hiểu, đề cập đến trên các phương diện cơ bản, đặc trưng nhất trong đó có cách tiếp cận kỹ năng sống. Những công trình nghiên cứu đó đã nhấn mạnh đến nội dung nhận diện các tình huống an toàn và không an toàn; các dạng đụng chạm, cách từ chối và nói không; tiết lộ bí mật với người lớn... và khẳng định vai trò của trường học là nơi GD phòng chống XHTD cho HSTH tốt nhất đồng thời nhà trường cũng là nơi tổ chức các lớp bồi dưỡng cho HS, cộng đồng, giáo viên với nhiều phương pháp giảng dạy tích cực, hiệu quả trên cơ sở có phối hợp đồng bộ các lực lượng giáo dục... Đây là kinh nghiệm bổ ích để luận án tiếp thu, phát triển và thiết kế xây dựng nội dung GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS bao gồm phòng ngừa, nhận diện nguy cơ bị XHTD, kiểm soát cảm xúc, ứng phó với hành vi XHTD.

Về phương pháp nghiên cứu, các công trình quốc tế đã sử dụng các phương pháp khác nhau: Phương pháp định lượng thu thập thông tin từ bảng hỏi; phương pháp định tính (Phòng vấn sâu, nghiên cứu trường hợp, phiếu phản hồi tự do viết những kinh nghiệm mà người viết đã trải qua có liên quan tới chủ đề nghiên cứu...). Đây là những kinh nghiệm có giá trị để luận án học tập và kế thừa trong quá trình nghiên cứu song đáng tiếc là hầu hết các công trình nghiên cứu chưa thể hiện được tính giáo dục trong sự khác biệt đặc trưng của các vùng miền.

Các công trình nghiên cứu trong nước về GD phòng chống XHTD cũng đã được tìm hiểu song chủ yếu được tiếp cận dưới góc độ Điều tra học, Tội phạm học hay Xã hội học... Hướng nghiên cứu hầu hết thiên về mảng đề tài mại dâm, lạm dụng hay quấy rối tình dục trẻ em nhiều hơn. Các con số phản ánh thực trạng XHTD trẻ em vẫn chủ yếu là những số liệu viện dẫn từ các cơ quan chức năng có liên quan như: Bộ công an, tòa án nhân dân tối cao, cục cảnh sát hình sự... Một số công trình nghiên cứu khoa học cũng đã

tập trung khai thác vào những nội dung, khía cạnh của giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH song nghiên cứu theo tiếp cận KNS còn thể hiện mờ nhạt.

Nhìn chung, cả trong nước và trên thế giới, còn hiếm những công trình nghiên cứu khoa học chuyên biệt về GD phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS trên cơ sở đảm bảo tính giáo dục trong sự khác biệt đặc trưng của các vùng miền thành thị, nông thôn và miền núi. Do đó, nghiên cứu của luận án sẽ khắc phục khoảng trống trong lĩnh vực GD phòng chống XHTD ở HSTH đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình GD bảo vệ bản thân an toàn, lành mạnh.

1.1.5.2. Những vấn đề luận án cần giải quyết

Để quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS đạt hiệu quả cao:

- Cần làm sáng tỏ về cơ sở lý luận và thực trạng quá trình giáo dục phòng chống XHTD theo tiếp cận KNS; xác định được yếu tố ảnh hưởng nhất tới quá trình hình thành KN phòng chống XHTD ở HSTH hiện nay từ đó, tập trung đề xuất biện pháp giải quyết hiệu quả, thiết thực và khả thi.

- Nghiên cứu về giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS cần được tiến hành trên địa bàn khác nhau giữa khu vực thành thị, nông thôn, vùng núi từ đó có sự so sánh và lí giải nguyên nhân dẫn tới sự khác nhau về kết quả giáo dục giữa các địa bàn đó và vai trò của môi trường gia đình, nhà trường, cộng đồng trong quá trình giáo dục kĩ năng phòng chống XHTD.

- Giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS phải dựa vào trải nghiệm; thay đổi hành vi thói quen xấu của HS và hình thành hành vi tích cực như nhận diện XHTD; kiểm soát cảm xúc; phòng ngừa nguy cơ XHTD; ứng phó chủ động với hành vi XHTD hoặc tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng. Đây được đánh giá là khâu then chốt ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn XHTD xâm nhập vào học đường từ đó, giúp các em HS có được cuộc sống lành mạnh và phát triển toàn diện.

1.2. Một số vấn đề lý luận về xâm hại tình dục và phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học

1.2.1. Xâm hại tình dục trẻ em

1.2.1.1. Khái niệm xâm hại tình dục trẻ em

** Xâm hại tình dục*

XHTD là hành vi có chủ đích nhằm lôi kéo, dụ dỗ trẻ vào các hoạt động thỏa mãn nhu cầu tình dục mà các em chưa có hiểu biết đầy đủ, chưa có khả năng hoặc không đủ tâm thế để đưa ra quyết định đối với những hành vi này.

**Phòng chống xâm hại tình dục trẻ em*

Phòng chống XHTD là quá trình lên kế hoạch, dự tính trước biện pháp phòng tránh, ngăn ngừa những hành vi có chủ đích nhằm lôi kéo, dụ dỗ trẻ vào các hoạt động thỏa mãn nhu cầu tình dục mà trẻ em chưa có hiểu biết đầy đủ, chưa có khả năng hoặc không đủ tâm thế để đưa ra quyết định đối với những hành vi này đồng thời trang bị những kiến thức, kĩ năng cần thiết để giúp trẻ ứng phó một cách tích cực trước hành vi xâm hại tình dục qua đó trẻ tránh được những hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra và bảo vệ an toàn cho bản thân.

Theo khái niệm này, luận án xác định có hai cấp độ phòng chống XHTD:

Cấp độ 1: Phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ có thể xảy ra XHTD

Cấp độ 2: Ứng phó một cách linh hoạt và tích cực trước hành vi XHTD và không để nó gây hậu quả, thiệt hại hoặc lây lan cho người khác.

1.2.1.2. Những đối tượng trẻ em có nguy cơ xâm hại tình dục

1.2.1.3. Dấu hiệu nhận biết trẻ em bị xâm hại tình dục

1.2.1.4. Hậu quả của tệ nạn xâm hại tình dục trẻ em

1.2.2. Phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học

1.2.2.1. Khái niệm phòng chống

1.2.2.2. Khái niệm phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học

1.2.3. Đặc điểm tâm lí xã hội và đặc điểm phòng chống xâm hại tình dục ở học sinh tiểu học

1.2.3.1. Đặc điểm tâm lí xã hội ở học sinh tiểu học

1.2.3.2. Đặc điểm phòng chống xâm hại tình dục ở học sinh tiểu học

1.3. Lý luận về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống

1.3.1. Tiếp cận kĩ năng sống

Tiếp cận được hiểu theo một trong ba ý nghĩa như sau: (1) Một cách hoặc cách thức để xử lý vấn đề; (2) Một đề xuất, đề nghị ban đầu; (3) Hành động đến gần].

Trong luận án này, tiếp cận được dùng theo ý nghĩa là cách thức giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH và “*Tiếp cận KNS đề cập đến quá trình tương tác giữa dạy và học tập trung vào kiến thức, thái độ và kĩ năng cần đạt được để có những hành vi giúp con người có trách nhiệm cao đối với cuộc sống riêng bằng cách lựa chọn cuộc sống lành mạnh, kiên định từ chối sự ép buộc tiêu cực và hạn chế tối đa những hành vi có hại*”

Từ khái niệm trên, luận án rút ra những đặc trưng của tiếp cận KNS trong giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH:

+ Đặc trưng cơ bản và quan trọng nhất của tiếp cận KNS trong phòng chống XHTD là tập trung thay đổi hành vi HSTH theo hướng tích cực và hiệu quả nhất. Tiếp cận KNS cho phép HSTH *chuyển dịch kiến thức* (hiểu biết của HS về phòng chống XHTD) đến *thái độ, giá trị* (Cái các em nghĩ/cảm thấy/tin tưởng thông qua trải nghiệm, đánh giá, lựa chọn giá trị) thành định hướng *hành động thực tiễn* (các các em làm và cách các em ứng phó với XHTD) theo xu hướng tích cực và mang tính chất xây dựng.

+ Phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS là sự kết hợp hài hòa, gắn kết của 3 thành tố: Kiến thức - Thái độ, tình cảm – Hành vi, kĩ năng.

+ Phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS tập trung và thay đổi hành vi, không quá đề cao nhiệm vụ cung cấp đầy đủ, sâu sắc toàn bộ nội dung kiến thức mà chỉ cần giới thiệu những nội dung kiến thức quan trọng và cơ bản nhất có ảnh hưởng tới thái độ và thúc đẩy hành vi tích cực.

1.3.2. Giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kĩ năng sống

1.3.2.1. Khái niệm giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

Giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS là quá trình tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục lên HSTH thông qua việc vận dụng có hiệu quả các hình thức, phương pháp, con đường giáo dục nhằm giúp HSTH có kiến thức, thái độ phù hợp, trên cơ sở đó thay đổi hành vi của mình theo hướng tích cực để phòng ngừa các nguy cơ và ứng phó chủ động với XHTD.

Giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS là quá trình phát triển năng lực cá nhân và khả năng hành động phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó tích cực với XHTD ở học sinh, đảm bảo sự phát triển tốt về mặt thể chất, tâm lý và mặt xã hội qua đó góp phần bảo vệ bản thân một cách an toàn và lành mạnh.

1.3.3.2. Mục tiêu của giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

1.3.2.3. Nhiệm vụ của giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

1.3.2.4. Nguyên tắc của giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

1.3.2.5. Nội dung của giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

1.3.2.6. Phương pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

1.3.2.7. Hình thức giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

1.3.2.8. Đánh giá kết quả giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận KNS

1.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục trẻ em cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

1.4.1. Ảnh hưởng từ gia đình

1.4.2. Ảnh hưởng từ phía nhà trường

1.4.3. Ảnh hưởng từ phía xã hội

1.4.4. Bản thân học sinh tiểu học

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Giáo dục phòng chống XHTD có một ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt thúc đẩy sự phát triển của cá nhân và xã hội. Quá trình giáo dục đó bao gồm các thành tố:

Mục tiêu giáo dục: Phát triển năng lực tâm lý xã hội của học sinh, chuyển dịch kiến thức đến thái độ, giá trị thành định hướng hành động tích cực.

Nhiệm vụ giáo dục: Giáo dục nhận thức; giáo dục niềm tin, tình cảm tích cực; giáo dục hành vi thói quen tích cực về phòng chống XHTD cho HSTH.

Nguyên tắc giáo dục: Dựa vào trải nghiệm; nguyên tắc tương tác; nguyên tắc thay đổi hành vi theo hướng tích cực.

Nội dung giáo dục: Giáo dục kỹ năng phòng ngừa nguy cơ XHTD; giáo dục kỹ năng nhận diện XHTD; giáo dục kỹ năng kiểm soát cảm xúc; giáo dục kỹ năng ứng phó với hành vi XHTD; giáo dục tìm kiếm sự trợ giúp từ người khác.

Phương pháp giáo dục: Phương pháp kể chuyện (Kể chuyện tương tác; kể chuyện với kết cục mở; tiểu phẩm tương tác tại chỗ); phương pháp trò chơi; phương pháp hợp tác theo nhóm; phương pháp đóng vai; phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp bài tập tình huống...

Con đường giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS đa dạng và phong phú bao gồm: Giáo dục tích hợp; tư vấn tâm lý; tổ chức hoạt động giáo dục tập thể; hội thi...

Luận án xây dựng được hai tiêu chí: (1) Ý thức (bao gồm nhận thức và thái độ, tình cảm); (2) Hành động, hành vi để đánh giá 5 nội dung của giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KỸ NĂNG SỐNG

2.1. Khái quát về nghiên cứu thực trạng

2.1.1. Mục đích khảo sát

Đánh giá đúng thực trạng giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS và đánh giá những ảnh hưởng của nó đến kết quả giáo dục trong nhà trường tiểu học hiện nay, trên địa bàn khảo sát.

2.1.4. Khách thể khảo sát

Tổng số khách thể khảo sát của luận án là 1018 khách thể, trong đó có: 423 HSTH; 213 phụ huynh học sinh; 225 giáo viên tiểu học; và 47 chuyên gia.

2.1.5. Thời gian khảo sát

- Giai đoạn 1: Khảo sát thăm dò được thực hiện vào học kì 2 năm học 2018- 2019 (Xem phụ lục 1).

- Giai đoạn 2: Khảo sát chính thức được thực hiện vào học kì 1 năm học 2019-2020 (Xem phụ lục 2).

2.1.6. Phương pháp và công cụ khảo sát

2.1.7. Tiêu chí và thang đánh giá kết quả khảo sát

Trên cơ sở nghiên cứu nội dung đánh giá HSTH theo thông tư 22/2016/TT-BGDĐT; thông tư 27/2020/TTBGDĐT để đảm bảo độ khách quan trong đánh giá kỹ năng phòng chống XHTD và phù hợp với đặc điểm nhận thức ở HSTH giúp các em dễ dàng phân biệt sự khác nhau giữa các mức độ, luận án xây dựng thang đánh giá theo 3 mức độ: Tốt; Đạt; Cần cố gắng tương ứng với thang điểm 3, điểm tối đa 3 điểm, điểm tối thiểu 1 điểm theo mức độ giảm dần và theo hai tiêu chí (Ý thức và hành động). Trong đó: Giá trị trung bình có ý nghĩa đối với thang đo khoảng; giá trị khoảng cách = $(3-1)/3 = 0.66$ do đó, có thang đo có kết quả như sau: MĐ Cần cố gắng từ 1.0 đến < 1.66; MĐ Đạt từ 1.66 đến < 2.33; MĐ Tốt từ 2.33 đến ≤ 3.0 . Trên cơ sở thang đo đánh giá chung, chúng tôi xây dựng thang đo cho 4 nội dung cụ thể: Phòng ngừa nguy cơ

XHTD; nhận diện XHTD; kiểm soát cảm xúc cảm xúc; ứng phó với hành vi XHTD cho HSTH (*Phụ lục 2*).

Để đánh giá hoạt động giáo dục phòng chống XHTD ở người giáo viên tiểu học, luận án xây dựng theo thang thứ bậc của Likert (Thang 5 mức độ: Rất tốt; Tốt; Khá; Trung bình, Yếu); tương ứng với thang điểm 5 (Điểm tối đa: 5 điểm; điểm tối thiểu: 1 điểm theo mức độ giảm dần). Trong đó: Giá trị khoảng cách = $(5-1)/5 = 0.8$ do đó, kết quả thang đo như sau: MĐ Yếu từ 1.0 đến < 1.8 ; MĐ Trung bình từ 1.8 đến < 2.6 ; MĐ Khá từ 2.6 đến < 3.4 ; MĐ Tốt từ 3.4 đến < 4.20 ; MĐ Rất tốt từ 4.20 đến ≤ 5.0 .

2.2. Phân tích kết quả nghiên cứu khảo sát

2.2.1. Đánh giá thực trạng phòng chống xâm hại tình dục ở HSTH

2.2.1.1. Đánh giá mức độ nhận thức phòng chống xâm hại tình dục ở HSTH

Qua xử lý số liệu từ bảng 2.1, cho thấy: Có sự khác nhau giữa đánh giá của giáo viên, phụ huynh học sinh và tự đánh giá của học sinh về mức độ nhận thức phòng chống XHTD ở HSTH. Học sinh thường có xu hướng đánh giá mình cao hơn rất nhiều so với giáo viên và phụ huynh đánh giá về các em; các em thường đánh giá mình ở mức Đạt và Tốt chiếm 74.9% trong khi giáo viên và phụ huynh học sinh đánh giá các em chủ yếu ở mức Cần cố gắng.

2.2.1.2. Thực trạng thái độ phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học

Qua xử lý số liệu từ bảng 2.2, cho thấy: HSTH thường có xu hướng đánh giá thái độ của bản thân cao hơn nhiều so với đánh giá của giáo viên và phụ huynh với tổng điểm trung bình ở mức tốt là 2.77. Đánh giá của giáo viên và phụ huynh học sinh về biểu hiện thái độ phòng chống XHTD ở HSTH nhìn chung là tương đương nhau.

2.2.1.3. Thực trạng kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học

Qua xử lý số liệu từ bảng 2.1, cho thấy: HSTH thường có xu hướng đánh giá kỹ năng của bản thân cao hơn nhiều so với giáo viên và phụ huynh đánh giá về các em với tổng điểm trung bình ở mức đạt: 2.17; đánh giá của giáo viên và phụ huynh về kỹ năng phòng chống XHTD ở HSTH là giống nhau, đều ở mức cần cố gắng trong đó điểm trung bình phụ huynh học sinh đánh giá có thấp hơn so với giáo viên đánh giá kỹ năng phòng chống XHTD ở HSTH là 0.21.

* Kỹ năng phòng ngừa xâm hại tình dục: Mặc dù cũng ở mức cần cố gắng song đây là kỹ năng có điểm trung bình giáo viên đánh giá cao nhất 1.54 trong khi điểm trung bình mà PHHS đánh giá là 1.23.

* Kỹ năng kiểm soát cảm xúc trước hành vi XHTD: Cũng là một trong những nội dung không được đánh giá cao ở HSTH với điểm trung bình tương đối thấp trong đó DTB mà giáo viên đánh giá là 1.51; phụ huynh học sinh đánh giá là 1.23.

* Kỹ năng nhận diện XHTD và kỹ năng ứng phó với hành vi XHTD của HSTH nhìn chung còn chưa tốt, lúng túng và không linh hoạt, là hai kỹ năng mà giáo viên và phụ huynh học sinh đánh giá ở mức thấp nhất.

Luận án sử dụng kiểm định ANOVA và kết quả $p < 0.05$ cho thấy có sự khác biệt về mức độ phòng chống XHTD giữa học sinh nam và học sinh nữ; giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa các khối lớp 4 và 5, giữa các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu. Cụ thể:

Bảng 2.6. Sự khác biệt trong đánh giá của giáo viên và phụ huynh học sinh và tự đánh giá của HSTH về giáo dục phòng chống XHTD theo giới tính, khu vực và khối lớp.

Đối tượng		Giới tính		Khối lớp			Khu vực	
		Nam (n=204)	Nữ (n=219)	Lớp 4 (n=210)	Lớp 5 (n=211)	T. thị (n=138)	N. thôn (n=138)	M. núi (n=147)
HSTH	ĐTB	2.04	2.37	2.26	2.34	2.52	2.16	1.97
	p	0.000		0.000			0.000	
GVTH	ĐTB	1.51	1.86	1.87	1.95	2.00	1.57	1.48
	p	0.000		0.000			0.000	
PHHS	ĐTB	1.46	1.81	1.85	1.93	1.84	1.52	1.43
	p	0.000		0.000			0.000	

Ghi chú: MĐ CCG 1.0 đến < 1.66; MĐ Đạt 1.66 đến < 2.33; MĐ Tốt 2.33 đến ≤ 3.0

Qua bảng số liệu trên cho thấy: Có sự tương đồng trong đánh giá của giáo viên, phụ huynh và tự đánh giá của học sinh về sự khác biệt trong đánh giá về giáo dục phòng chống XHTD theo giới tính, khu vực và khối lớp (hệ số sig >0.05).

Về giới tính: Học sinh nữ có kỹ năng phòng chống XHTD tốt hơn học sinh nam: Tự HSTH đánh giá, nữ học sinh đạt ở mức độ tốt với ĐTB là 2.37 cao hơn nam học sinh với ĐTB: 2.04, ở mức độ đạt trong khi giáo viên và phụ huynh đánh giá nữ học sinh ở mức độ đạt còn nam HS ở mức độ cần cố gắng.

Đánh giá theo khối lớp: HS lớp 5 thì có kỹ năng phòng chống XHTD tốt hơn lớp 4 song mức độ chênh lệch không nhiều. Điều này cũng dễ hiểu bởi HS càng lớp lớn thì trình độ hiểu biết, mức độ rèn luyện kỹ năng và sự tích lũy kinh nghiệm của các em tốt hơn.

Đánh giá theo khu vực: Học sinh ở khu vực thành thị có kỹ năng phòng chống XHTD tốt hơn so với học sinh khu vực nông thôn và học sinh khu vực nông thôn có kỹ năng phòng chống XHTD tốt hơn so với học sinh khu vực miền núi tuy nhiên mức độ chênh lệch của học sinh khu vực miền núi và nông thôn thì không nhiều.

Đánh giá theo trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu: Qua kết quả bảng số liệu 2.7 cho thấy: Trường Tiểu học Tiên Cát là trường có học sinh đạt kỹ năng phòng chống XHTD tốt nhất với ĐTB ở MĐ Khá, trường Tiểu học Tân Phú là trường có học sinh đạt điểm trung bình kỹ năng phòng chống XHTD ở mức thấp nhất (ĐTB= 1.55) – Đây là trường đại diện cho khu vực miền núi cho nên điều kiện sống còn hạn chế, chủ yếu các em tập trung vào các kiến thức văn hóa, KNS nhiều khi chưa được quan tâm đúng mức.

Cùng thuộc mẫu trường đại diện cho vùng thành thị nhưng kỹ năng phòng chống XHTD của học sinh trường Tiểu học Phong Châu có ĐTB thấp hơn trường Tiểu học Tiên Cát nhưng sự chênh lệch này không nhiều, điều này cũng là tất yếu bởi một trường ở thị xã thì cơ sở vật chất và điều kiện kinh tế không thể tốt bằng một trường ở thành phố.

Kỹ năng phòng chống XHTD của học sinh trường Tiểu học Tuy Lộc; trường Tiểu học Xuân Huy đa số ở MĐ Đạt, trong đó kỹ năng phòng chống XHTD của học sinh trường Tiểu học Tuy Lộc cao hơn kỹ năng phòng chống XHTD của học sinh trường Tiểu học Xuân Huy song MĐ chênh lệch không đáng kể.

2.2.2. Thực trạng giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống trên địa bàn khảo sát

2.2.2.1. Thực trạng xác định tầm quan trọng giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

Qua phỏng vấn và điều tra thực trạng, chúng tôi nhận thấy: 100% giáo viên tiểu học đều ý thức được tầm quan trọng và sự cần thiết của giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH. Chị G.M.Y – cán bộ GV trường Tiểu học Tiên Cát tâm sự với chúng tôi: “*Xuất phát từ thực trạng xã hội hiện nay, số trẻ trong độ tuổi HSTH bị XHTD ngày một gia tăng hơn nữa hậu quả của việc bị XHTD tạo nên sự tổn thương về mặt thể chất và tâm hồn các em quá lớn cho nên giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH là rất cần thiết*”.

2.2.2.2. Thực trạng xác định mục tiêu giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

Qua xử lý số liệu từ bảng 2.8, cho thấy: Nhà trường nói chung và đội ngũ giáo dục nói riêng đã nhận thức được mục tiêu quan trọng của giáo dục phòng chống XHTD là phòng ngừa xâm hại tình dục cho HSTH song mục tiêu trang bị kỹ năng ứng phó với XHTD cho HSTH chưa thực sự được coi trọng với điểm trung bình ở mức độ thấp 1.25.

2.2.2.3. Nhiệm vụ giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

Bảng 2.9: Đánh giá việc xác định thực hiện nhiệm vụ giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS

STT	Nhiệm vụ giáo dục	ĐTB	ĐLC	MĐ
1	Giáo dục nhận thức về phòng chống XHTD cho HSTH	2.62	0.41	Khá
2	Giáo dục thái độ và tình cảm tích cực về phòng chống XHTD cho HSTH	2.26	0.44	TB
3	Giáo dục hành vi phòng chống XHTD cho HSTH	1.93	0.28	TB
ĐTB chung		2.27	0.26	TB

Ghi chú: MĐ Yếu 1.0 đến < 1.8; MĐ Trung bình 1.8 đến < 2.6; MĐ Khá 2.6 đến < 3.4; MĐ Tốt 3.1 đến < 4.2; MĐ Rất tốt 4.2 đến ≤ 5.0.

Qua xử lý số liệu từ bảng 2.9, cho thấy: Quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục phòng chống XHTD cho học sinh tại đa số các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Phú Thọ mới chỉ chú trọng tới giáo dục nhận thức với ĐTB=2.62 (MĐ Khá) trong khi giáo dục thái độ và tình cảm tích cực có ĐTB=2.26 (MĐ Trung bình); giáo dục hành vi thói quen tích cực về phòng chống XHTD mới là yếu tố then chốt quyết định giúp HSTH bảo vệ bản thân an toàn thì lại chưa thực sự được chú trọng với ĐTB thấp nhất 1.93 (MĐ Trung bình). Chính vì vậy, khi đứng trước nguy cơ XHTD, học sinh thường không có kỹ năng ứng phó tích cực để bảo vệ an toàn bản thân.

2.2.2.4. *Thực trạng nội dung giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống*

Bảng 2.10. Đánh giá nội dung giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS

Nội dung	ĐTB	ĐLC
Giáo dục kỹ năng nhận diện XHTD	1.25	0.44
Giáo dục kỹ năng kiểm soát cảm xúc	2.07	0.32
Giáo dục phòng ngừa XHTD	2.06	0.33
Giáo dục kỹ năng ứng phó với XHTD	1.22	0.42
ĐTB chung	1.65	0.25

Ghi chú: MĐ Yếu 1.0 đến < 1.8; MĐ Trung bình 1.8 đến < 2.6; MĐ Khá 2.6 đến < 3.4; MĐ Tốt 3.1 đến < 4.2; MĐ Rất tốt 4.2 đến ≤ 5.0.

Qua xử lý số liệu từ bảng 2.10, cho thấy: Những nội dung giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH còn hạn chế và mang tính hình thức với ĐTB=2.29 (MĐ Trung bình), chủ yếu tập trung vào nội dung phòng ngừa XHTD với ĐTB=2.76 (MĐ Khá); những nội dung giáo dục khác nhìn chung còn mờ nhạt. Trong đó: Nội dung kiểm soát cảm xúc với ĐTB=2.47; nhận diện XHTD với ĐTB=2.10; ứng phó với XHTD có ĐTB thấp nhất 1.83.

2.2.2.5. *Thực trạng phương pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống*

Qua xử lý số liệu từ bảng 2.11, cho thấy: Phương pháp giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH ở các trường tiểu học chưa được tổ chức linh hoạt. Giáo viên mới chỉ tập trung vào phương pháp kể chuyện là chủ đạo với ĐTB=1.79 (ở mức độ đạt); các phương pháp giáo dục khác như tiểu phẩm tương tác; nêu gương; đóng vai; trò chơi; hợp tác theo nhóm.. được sử dụng chưa thường xuyên.

2.2.3.6. *Thực trạng hình thức giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống*

Qua xử lý số liệu từ bảng 2.12, cho thấy: Con đường giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH được sử dụng một cách đa dạng song ở MĐ hiếm khi với ĐTB=2.14. Trong đó con đường giáo dục tích hợp phòng chống XHTD cho HSTH thông qua hoạt động dạy học có điểm cao nhất với ĐTB= 2.51; tiếp theo con đường lồng ghép, tích hợp với tổ chức hoạt động giáo dục tập thể (Hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp...) có điểm cao thứ hai với ĐTB= 2.50; con đường sử dụng phương tiện thông tin đại chúng có điểm cao thứ ba với ĐTB= 2.49.

Ngoài ra, các con đường giáo dục khác: Mở câu lạc bộ, các khóa tập huấn, buổi thảo luận cho các em tham gia... tổ chức một cách lỏng lẻo, thiếu sự chuyên nghiệp.

2.2.2.7. *Thực trạng đánh giá kết quả giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS*

Trong thực tế, tại các trường tiểu học, chưa có chỉ báo, tiêu chí cụ thể để đánh giá kỹ năng phòng chống XHTD cho HSTH. Hiện tại, phòng chống XHTD là một trong những tiêu chí để đánh giá quá trình xây dựng trường học an toàn trong môi trường học đường.

2.2.3. Đánh giá khó khăn và những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống trên địa bàn khảo sát

2.2.3.1 Đánh giá khó khăn của giáo viên trong quá trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH

100% giáo viên tiểu học đều khẳng định gặp khó khăn trong việc bố trí thời gian giáo dục phòng chống XHTD. Khó khăn thứ 2: Sự hạn chế về nguồn tài liệu hướng dẫn cho giáo viên, cho phụ huynh học sinh, cho các cán bộ cộng đồng về phòng chống XHTD cho HSTH với MĐ khó khăn là 75.3%; MĐ rất khó khăn là 13.4%. Khó khăn thứ 3: Thiếu cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện tổ chức giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH với MĐ khó khăn là 69.6%; MĐ rất khó khăn là 1.73%. Khó khăn thứ 4: Chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa Gia đình – Nhà trường – Xã hội về giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH với MĐ khó khăn là 65.1%; MĐ rất khó khăn là 13.6%. Bên cạnh đó, theo giáo viên đánh giá quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH còn có một số khó khăn: Tính tích cực, năng lực của HSTH còn hạn chế; chỉ đạo và hỗ trợ của lãnh đạo trường; tâm lý e ngại của cha mẹ, giáo viên về giới tính và giáo dục phòng chống XHTD trẻ em...

2.2.3.2. Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

Qua xử lý số liệu từ bảng 2.13, cho thấy: Đánh giá của giáo viên, phụ huynh và tự đánh giá HSTH đều cho thấy ảnh hưởng của nhà trường tới giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH là lớn nhất với điểm trung bình giáo viên, phụ huynh đánh giá là 2.96, HSTH đánh giá là 2.08; xếp vị trí thứ hai là ảnh hưởng của gia đình và ảnh hưởng từ bản thân HSTH với điểm trung bình giáo viên đánh giá là 2.93, phụ huynh đánh giá là 2.95, HSTH đánh giá là 1.95; xếp vị trí thứ ba là ảnh hưởng của xã hội với điểm trung bình giáo viên đánh giá là 2.88, phụ huynh đánh giá là 2.92, HSTH đánh giá là 1.76.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Cần phải thay đổi cách giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo hướng tiếp cận KNS để không chỉ giáo dục kiến thức, thái độ mà quan trọng hơn là giáo dục hành vi, thói quen tích cực. Đây là cơ sở để đề xuất các biện pháp giáo dục hiệu quả, thiết thực và khả thi nhằm khắc phục những khó khăn và những ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH.

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THEO TIẾP CẬN KỸ NĂNG SỐNG

3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

- 3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích trong hoạt động giáo dục
- 3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và thiết thực
- 3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa giáo dục ý thức và hành vi
- 3.1.4. Nguyên tắc thay đổi hành vi theo hướng tích cực
- 3.1.5. Nguyên tắc phát huy ý thức tự giáo dục của học sinh

3.2. Đề xuất các biện pháp giáo dục phòng chống với xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

3.2.1. Tổ chức truyền thông về phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH

- a) Mục đích của biện pháp
- b) Nội dung của biện pháp
- c) Cách tiến hành biện pháp
- d) Điều kiện thực hiện biện pháp

3.2.2. Giáo dục tích hợp phòng chống với xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

- a) Mục đích của biện pháp
- b) Nội dung của biện pháp
- c) Cách tiến hành biện pháp
- d) Điều kiện thực hiện biện pháp

3.2.3. Tổ chức tư vấn học đường hỗ trợ phòng chống với xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học theo tiếp cận kỹ năng sống

- a) Mục đích của biện pháp
- b) Nội dung của biện pháp
- c) Cách tiến hành biện pháp
- d) Điều kiện thực hiện biện pháp

3.2.4. Tổ chức hoạt động giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo các chủ đề chuyên biệt

- a) Mục đích của biện pháp
- b) Nội dung của biện pháp
- c) Cách tiến hành biện pháp
- d) Điều kiện thực hiện biện pháp

3.2.5. Xây dựng các tình huống giáo dục phòng chống xâm hại tình dục nhằm khuyến khích HSTH tương tác và trải nghiệm

- a) Mục đích của biện pháp
- b) Nội dung của biện pháp
- c) Cách tiến hành biện pháp
- d) Điều kiện thực hiện biện pháp

3.2.6. Phối hợp Gia đình - Nhà trường – Xã hội nhằm xây dựng môi trường giáo dục tích cực trong phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS

- a) Mục đích của biện pháp
- b) Nội dung của biện pháp
- c) Cách tiến hành biện pháp
- d) Điều kiện thực hiện biện pháp

3.2.7. Mối quan hệ của các biện pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho HSTH theo tiếp cận kỹ năng sống

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Sáu biện pháp luận án đề xuất, đều có vị trí, vai trò và chức năng nhất định góp phần tạo nên thành công của quá trình giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS song các biện pháp đều có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và hỗ trợ lẫn nhau. Biện pháp 1 và biện pháp 2 là cơ sở, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện biện pháp 3. Biện pháp 3 là động lực thúc đẩy HSTH tham gia biện pháp 4 và 5. Năm biện pháp trên chỉ phát huy hiệu quả giáo dục trên cơ sở thực hiện biện pháp 6: Phối hợp giáo dục Gia đình – Nhà trường – Xã hội nhằm xây dựng môi trường tích cực trong phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS.

CHƯƠNG 4: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. Mục đích thực nghiệm

Luận án tiến hành thực nghiệm nhằm kiểm chứng tính cần thiết, tính khả thi và tính hiệu quả của các biện pháp giáo dục phòng chống XHTD cho HSTH theo tiếp cận KNS đã đề xuất ở chương 3.

4.2. Thời gian, địa điểm và đối tượng thực nghiệm

Bảng 4.1. Thời gian, địa điểm và đối tượng tham gia thực nghiệm

Thời gian thực nghiệm	Địa điểm thực nghiệm	Đối tượng	Số số
Thực nghiệm đợt 1 HK 2 (2018 – 2019)	Trường TH Sơn Tình (Đại diện thuộc khu vực miền núi)	TN lớp 4	53
		ĐC lớp 4	55
Thực nghiệm đợt 2 (Học kì 1 năm học 2019 – 2020)	Trường TH Phong Châu (Đại diện thuộc khu vực thành thị)	TN lớp 4	25
		ĐC lớp 4	27
		TN lớp 5	28
		ĐC lớp 5	29
	Trường TH Tuy Lộc (Đại diện thuộc khu vực nông thôn)	TN lớp 4	26
		ĐC lớp 4	25
		TN lớp 5	27
		ĐC lớp 5	26
	Trường TH Tân Phú (Đại diện thuộc khu vực miền núi)	TN lớp 4	24
		ĐC lớp 4	25
		TN lớp 5	25
		ĐC lớp 5	26

4.3. Nội dung và các bước tiến hành thực nghiệm

4.3.1. Nội dung thực nghiệm

4.3.2. Các bước tiến hành lựa chọn lớp thực nghiệm

4.4. Xây dựng kế hoạch thực nghiệm

4.5. Thang đo và tiêu chí đánh giá trong phần thực nghiệm

Bộ công cụ đánh giá kỹ năng phòng chống XHTD của HSTH theo tiếp cận KNS được chúng tôi xây dựng gồm có 10 câu hỏi (Phụ lục 5).

Thang đánh giá nhận diện XHTD ở HSTH với 4 chỉ báo và thang đánh giá kỹ năng ứng phó với hành vi XHTD ở HSTH với 3 chỉ báo được mô tả chi tiết trong phụ lục 13 với ba mức độ sau đây: MĐ Cần cố gắng từ 1.0 đến < 1.66; MĐ Đạt từ 1.66 đến < 2.33;

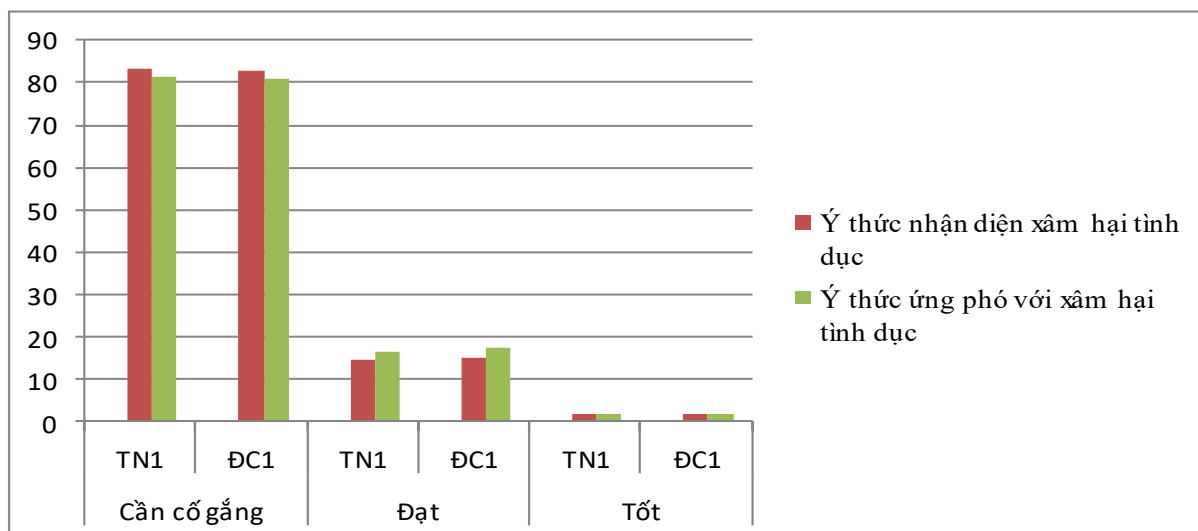
MĐ Tốt từ 2.33 đến ≤ 3.0 . Trong quá trình học sinh giải quyết tình huống, giáo viên sẽ quan sát, đánh giá về kỹ năng phòng chống XHTD hiện có ở các em.

4.6. Kết quả thực nghiệm sư phạm

4.6.1. Thực nghiệm sư phạm đợt 1

Về ý thức

Biểu đồ 4.1. Biểu đồ so sánh mức độ ý thức về phòng chống XHTD ở lớp đối chứng và lớp thực nghiệm trước thực nghiệm đợt 1



Từ biểu đồ 4.1 cho thấy: Tỷ lệ % về tiêu chí ý thức nhận diện XHTD và tiêu chí ý thức ứng phó với XHTD ở lớp đối chứng và lớp thực nghiệm là tương đương nhau, mức độ chênh lệch không đáng kể. Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test và cũng cho kết quả tương tự.

Về hành động

Từ biểu đồ 4.2 cho thấy: Tỷ lệ % về tiêu chí hành động nhận diện XHTD và tiêu chí hành động ứng phó với XHTD ở lớp đối chứng và lớp thực nghiệm là tương đương nhau, mức độ chênh lệch không đáng kể. Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test và cũng cho kết quả tương tự.

**Đánh giá kết quả thực nghiệm sư phạm đợt 1*

Sau đợt TNSP đợt 1, chúng tôi tiến hành cho HS ở cả hai nhóm đối chứng và thực nghiệm làm bài test (bài trắc nghiệm, kiểm tra vấn đáp) để xác định và phân loại học sinh theo 3 mức độ và hai tiêu chí ý thức và hành động phòng chống XHTD hiện có ở học sinh. Kết quả thu được như sau:

Về ý thức

Bảng 4.8. Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu ra ý thức phòng chống XHTD của học sinh lớp 4 trường tiểu học Sơn Tinh tại nhóm TN và ĐC ở sau TN đợt 1

Tiêu chí/ chỉ báo		Mức độ				
		Nhóm	\bar{X}	ĐLC	T	Sig. (2 đuôi)
Ý thức nhận	Ý thức nhận diện XHTD thông qua cảnh báo chạm	TN1	2.86	0.34	1834	0.00
		ĐC1	1.32	0.51	1847	0.00

diện XHTD	Ý thức nhận diện XHTD thông qua cảnh báo nhìn	TN1	2.88	0.32	1735	0.00
		ĐC1	1.36	0.55	1751	0.00
	Ý thức nhận diện XHTD thông qua cảnh báo nghe	TN1	2.84	0.36	1410	0.00
		ĐC1	1.54	0.57	1422	0.00
	Ý thức nhận diện XHTD thông qua cảnh báo ôm	TN1	2.86	0.34	1732	0.00
		ĐC1	1.38	0.52	1745	0.00
Ý thức ứng phó với XHTD	Ý thức tự ứng phó với hành vi XHTD	TN1	2.89	0.32	1648	0.00
		ĐC1	1.41	0.56	1664	0.00
	Ý thức tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng	TN1	2.84	0.36	1582	0.00
		ĐC1	1.40	0.56	1594	0.00
	Ý thức kết hợp tự ứng phó với XHTD và tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng	TN1	2.81	0.39	1287	0.00
		ĐC1	1.60	0.56	1296	0.00

Qua bảng 4.8, kết quả kiểm định T-test tại trường tiểu học Phong Châu cho thấy:

Về tiêu chí ý thức nhận diện XHTD và tiêu chí ý thức ứng phó với XHTD: So sánh cặp ở các chỉ báo đều cho kết quả hệ số Sig.(P) = 0.000 < 0,05. Kết quả trên có nghĩa bác bỏ giả thuyết Ho, chấp nhận giả thuyết H1, sự khác nhau về điểm trung bình của nhóm TN và nhóm ĐC là có ý nghĩa từ đó, chúng tôi đi đến kết luận: Có sự khác nhau về ý thức nhận diện XHTD và ý thức ứng phó với XHTD ở nhóm TN và nhóm ĐC chứng tỏ chất lượng giáo dục phòng chống XHTD cho học sinh lớp 4 ở lớp TN là cao hơn so với lớp ĐC.

Về hành động

Qua bảng số liệu 4.11 cho thấy: Về tiêu chí hành vi nhận diện XHTD và tiêu chí hành vi ứng phó với XHTD: So sánh cặp ở các chỉ báo đều cho kết quả với hệ số Sig.(P) = 0.000 < 0,05. Kết quả trên có nghĩa bác bỏ giả thuyết Ho, chấp nhận giả thuyết H1, sự khác nhau về điểm trung bình của nhóm TN và nhóm ĐC là có ý nghĩa từ đó, chúng tôi đi đến kết luận: Có sự khác nhau về hành vi nhận diện XHTD và hành vi ứng phó với XHTD ở nhóm TN và nhóm ĐC chứng tỏ chất lượng giáo dục phòng chống XHTD cho học sinh lớp 4 ở lớp TN là cao hơn so với lớp ĐC.

Rút kinh nghiệm sau TNSP đợt 1

Sau một học kỳ tổ chức thực nghiệm đợt 1, kết quả thu được đã khẳng định các biện pháp thực nghiệm là khả quan và có độ tin cậy cao. Từ quá trình thực tập sư phạm đợt 1, chúng tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm đợt thực tập sư phạm đợt 2.

4.6.2. Thực nghiệm sư phạm đợt 2

Thực nghiệm sư phạm đợt 2 được tiến hành trong học kì I năm học 2019 - 2020, triển khai tại trường TH Tân Phú, TH Tuy Lộc, TH Phong Châu.

Về ý thức

Bảng 4.12. Kết quả khảo sát đo đầu vào về ý thức phòng chống XHTD của HSTH tại nhóm TN và ĐC ở trước thực nghiệm đợt 2

Học sinh lớp	Mức độ (%)	Cần cố gắng		Đạt		Tốt	
		TN2	ĐC2	TN2	ĐC2	TN2	ĐC2

Học sinh lớp 4	83.9	82.5	14.2	15.8	1.81	1.71
Học sinh lớp 5	80.8	79.4	17.3	18.9	1.81	1.71

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.12, chúng tôi rút ra một số nhận xét: Ý thức về phòng chống XHTD ở HS lớp 4 và lớp 5 tại nhóm TN và ĐC chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng, MĐ Tốt không nhiều. Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.8, chúng tôi rút ra một số nhận xét: MĐ ý thức phòng chống XHTD của nhóm TN cao hơn nhiều so với nhóm ĐC, ý thức phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở MĐ Tốt trong khi ý thức phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng.

Từ biểu đồ 4.5 cho thấy: Tỷ lệ % về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm ĐC và nhóm TN là tương đương nhau, MĐ chênh không đáng kể. Mặt khác, để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test và cũng cho kết quả tương tự.

Bảng 4.13. Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu vào về ý thức phòng chống XHTD của HSTH tại nhóm TN và ĐC trước TN đợt 2

Tiêu chí/ Trường tiểu học		Mức độ				
		Nhóm	ĐTB	ĐLC	T	Sig. (2 đuôi)
Ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4	Trường TH Phong Châu	TN2	1.21	0.45	457	0.64
		ĐC2	1.26	0.47	458	0.64
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	1.25	0.51	391	0.69
		ĐC2	1.29	0.53	391	0.69
	Trường TH Tân Phú	TN2	1.43	0.57	272	0.78
		ĐC2	1.46	0.56	272	0.78
Ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 5	Trường TH Phong Châu	TN2	1.25	0.51	900	0.37
		ĐC2	1.34	0.54	901	0.36
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	1.23	0.46	953	0.34
		ĐC2	1.32	0.54	957	0.41
	Trường TH Tân Phú	TN2	1.43	0.53	776	0.43
		ĐC2	1.51	0.56	778	0.43

Về hành động

Từ biểu đồ 4.15 cho thấy: Tỷ lệ % về tiêu chí hành động nhận diện XHTD và tiêu chí hành động ứng phó với XHTD ở lớp ĐC và lớp TN là tương đương nhau, mức độ chênh lệch không đáng kể mặt khác, để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test và cũng cho kết quả tương tự.

* *Đánh giá kết quả thực nghiệm sư phạm đợt 2*

Sau đợt TNSP đợt 2, chúng tôi tiến hành cho học sinh ở cả hai nhóm ĐC và TN làm bài test (bài trắc nghiệm, kiểm tra vấn đáp) để xác định và phân loại học sinh theo 3 mức độ và hai tiêu chí ý thức và hành động phòng chống XHTD hiện có ở học sinh. Kết quả thu được như sau:

Về ý thức

Qua xử lý số liệu 4.16 cho thấy: Mức độ ý thức phòng chống XHTD của nhóm TN cao hơn nhiều so với nhóm ĐC, ý thức phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở mức độ Tốt trong khi ý thức phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở mức độ Cần cố gắng.

Bảng 4.17. Kết quả kiểm định T-test khảo sát đo đầu ra về ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4,5 tại nhóm TN và ĐC sau TN đợt 2

Mức độ		Nhóm	X ⁻	ĐLC	T	Sig. (2 đuôi)
Ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 5	Trường TH Phong Châu	TN2	2.47	0.50	11.008	0.000
		ĐC2	1.40	0.52	11.039	0.000
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	2.45	0.50	10.094	0.000
		ĐC2	1.43	0.56	10.166	0.000
	Trường TH Tân Phú	TN2	2.39	0.49	7.982	0.000
		ĐC2	1.60	0.55	8.044	0.000
Ý thức phòng chống XHTD của HS lớp 4	Trường TH Phong Châu	TN2	2.54	0.50	10.843	0.000
		ĐC2	1.45	0.56	10.923	0.000
	Trường TH Tuy Lộc	TN2	2.49	0.50	10.449	0.000
		ĐC2	1.43	0.56	10.521	0.000
	Trường TH Tân Phú	TN2	2.37	0.48	7.822	0.000
		ĐC2	1.60	0.55	7.886	0.000

Qua bảng 4.17, kết quả kiểm định T-test cho thấy:

Về tiêu chí ý thức nhận diện XHTD và tiêu chí ý thức ứng phó với XHTD: So sánh cặp ở các chỉ báo đều cho kết quả hệ số Sig.(P) = 0.000 < 0,05. Kết quả trên có nghĩa bác bỏ giả thuyết Ho, chấp nhận giả thuyết H1, sự khác nhau về điểm trung bình của nhóm TN và nhóm ĐC là có ý nghĩa từ đó, chúng tôi đi đến kết luận: Có sự khác nhau về ý thức nhận diện XHTD và ý thức ứng phó với XHTD ở nhóm TN và nhóm ĐC chứng tỏ chất lượng GD phòng chống XHTD cho HS lớp 4 ở lớp TN là cao hơn so với lớp ĐC.

Về hành động

Bảng 4.18. Kết quả khảo sát đo đầu ra hành động phòng chống XHTD của học sinh lớp 4,5 ở nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm đợt 2

Mức độ (%)	Cần cố gắng		Đạt		Tốt	
	TN2	ĐC2	TN2	ĐC2	TN2	ĐC2
Học sinh lớp 5	1.89	79.4	44.2	18.8	53.1	1.71
Học sinh lớp 4	1.89	76.9	47.3	21.3	50.9	1.71

Qua xử lý số liệu thu được từ bảng 4.18, chúng tôi rút ra một số nhận xét: MĐ hành động phòng chống XHTD của nhóm TN cao hơn nhiều so với nhóm ĐC, hành

động phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở MĐ Tốt trong khi hành động phòng chống XHTD của nhóm TN chủ yếu ở MĐ Cần cố gắng.

Kết quả so sánh MĐ chênh lệch về hành động phòng chống XHTD của HS lớp 4 và lớp 5 ở nhóm lớp TN và nhóm ĐC được thể hiện rõ ở biểu đồ 4.7.

- *Về mặt định tính*

Sau 3 tháng TN hỗ trợ giáo dục phòng chống XHTD cho HS lớp 4, 5 tuy thời gian chưa nhiều song chúng tôi thu được một số kết quả về mặt định tính như sau:

Qua đánh giá kết quả học sinh tham gia xử lý các tình huống giả định:

+ Trước khi tiến hành thực nghiệm giáo dục phòng chống XHTD cho HS 4, 5 thì hầu như các em HS đặc biệt là HS lớp 4 chưa có ý thức đúng và chưa có hành động phòng chống XHTD tốt: Các em chưa có KN nhận diện XHTD và KN ứng phó với XHTD. Hầu hết, trước tình huống XHTD, HS thường xuất hiện xúc cảm tiêu cực: Sợ hãi, hoảng hốt, đau buồn, tổn thương... Điều này cũng dễ dàng có thể giải thích: Việc nhận diện những nguy hiểm với bản thân đã khó việc ứng phó lại càng khó hơn. Quá trình này, đòi hỏi HS không chỉ có kiến thức ứng phó mà trẻ còn cần phải có những trải nghiệm trong cuộc sống thì KN mới thành thực và linh hoạt.

Sau thời gian tiến hành thực nghiệm: Để đánh giá chất lượng giáo dục phòng chống XHTD của HS lớp 4,5 ở nhóm TN và ĐC có khác nhau hay không, chúng tôi xây dựng bộ tình huống giả định có tính thực tế cao. Các tình huống đó, xoay quanh các khía cạnh HS đối diện với nguy cơ XHTD. Ngoài ra, chúng tôi kết hợp với quan sát những biểu hiện của HS khi giải quyết tình huống theo tiêu chí: Cách xử lý nhanh hay chậm, chính xác hay không, thái độ của các em khi trả lời... Kết quả cho thấy: Đa số các em HS ở lớp ĐC có kỹ năng phòng chống XHTD ở mức trung bình, một số em lúng túng không biết xử lý như thế nào trong khi đa số các em HS lớp TN xử lý tình huống tự tin và đưa ra cách xử lý chính xác. Điều này cũng hoàn toàn dễ hiểu bởi các em lớp TN đã có những kiến thức, kỹ năng nhất định về phòng chống XHTD và các em cũng đã được làm quen với rất nhiều những tình huống tương tự như vậy trong suốt quá trình thực nghiệm.

4.7. Phân tích kết quả trên những nghiên cứu về trường hợp điển hình

4.7.1. Quan điểm lựa chọn mẫu

4.7.2. Kết quả lựa chọn mẫu

Trường hợp 1: Nguyễn T. S

Trường hợp 2: Đỗ H. T

Trường hợp 3: Bùi M. H

4.7.3. Đánh giá kết quả dựa trên phân tích 3 trường hợp điển hình

Dựa trên những thông tin ban đầu của 3 trường hợp điển hình: Họ và tên, ngày sinh, tình trạng sức khỏe, đặc điểm hoàn cảnh gia đình, kết quả học tập, đặc điểm tính cách... kết hợp với quan sát trong các giờ học, hoạt động ngoại khóa, qua việc trò chuyện, trao đổi trực tiếp, tiến hành bài test qua bộ công cụ, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Bảng 4.20. Kết quả đánh giá về nội dung phòng chống XHTD của 3 trường hợp nghiên cứu điển hình

Thực nghiệm		Điểm trung bình		
		Trường hợp 1	Trường hợp 2	Trường hợp 3
Trước thực nghiệm	Đánh giá kết quả ý thức và hành động nhận diện XHTD	1.42	1.50	1.3
	Đánh giá kết quả ý thức và hành động ứng phó với XHTD	1.42	1.51	1.38
	Đánh giá kỹ năng phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống	1.40	1.41	1.22
Sau thực nghiệm	Đánh giá kết quả ý thức và hành động nhận diện XHTD	2.42	2.40	2.42
	Đánh giá kết quả ý thức và hành động ứng phó với XHTD	2.40	2.5	2.39
	Đánh giá kỹ năng phòng chống XHTD qua cách xử lý tình huống	2.40	2.30	2.43

Qua kết quả của bảng số liệu 4.20 cho thấy sự tiến bộ rõ rệt về mặt nhận thức và kỹ năng phòng chống XHTD ở 3 trường hợp nghiên cứu điển hình - Kết quả này khẳng định các biện pháp thực nghiệm là cần thiết và khả thi.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Lựa chọn 2 nội dung: Nhận diện XHTD và ứng phó với XHTD trên cơ sở triển khai 3 biện pháp thực nghiệm: BP3. Tổ chức tư vấn học đường hỗ trợ phòng chống XHTD; BP4. Tổ chức hoạt động giáo dục phòng chống XHTD theo các chủ đề chuyên biệt; BP5. Xây dựng tình huống giáo dục phòng chống xâm hại tình dục nhằm khuyến khích HSTH tương tác và trải nghiệm tại trường TH Sơn Tinh (TN đợt 1) và trường TH Phong Châu, trường TH Tuy Lộc, trường TH Tân Phú (TN đợt 2). Nhóm lớp TN và lớp ĐC tại hai trường TN có sự tương đương về điều kiện gia đình, môi trường sống, trình độ GV; cơ sở vật chất, kết quả học tập đồng thời qua kết quả nghiên cứu TN trên 3 trường hợp điển hình, luận án rút ra kết luận: Chất lượng kỹ năng phòng chống XHTD của học sinh ở nhóm TN đã thực sự có bước tiến bộ rõ rệt.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

2. Kiến nghị

- 2.1. Đối với ngành giáo dục
- 2.2. Đảng bộ và chính quyền địa phương
- 2.3. Đối với nhà trường tiểu học
- 2.4. Đối với giáo viên tiểu học
- 2.5. Đối với phụ huynh học sinh
- 2.6. Đối với học sinh tiểu học

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN TỚI NỘI DUNG LUẬN ÁN**

Công trình sản phẩm bài báo

1. Bùi Thị Loan (2018), “*Thực trạng của việc giáo dục kỹ năng ứng phó với hành vi xâm hại thân thể cho HSTH theo hướng trải nghiệm*”, Tạp chí giáo dục và xã hội, ISSN 1859 – 3917.
2. Bùi Thị Loan (2018), “*Giáo dục kỹ năng ứng phó với hành vi xâm hại thân thể cho học sinh tiểu học*”, Tạp chí Khoa học công nghệ, trường Đại học Hùng Vương, MS: ISSN 1859-3968, số 4.
3. Bùi Thị Loan (2018), “*Thực trạng, giải pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học*”, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 10/2018, MS: ISSN 2354 0753.
4. Bùi Thị Loan (2018), “*Vai trò của gia đình trong công tác giáo dục kỹ năng ứng phó với hành vi xâm hại thân thể cho học sinh tiểu học*”, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 10/2018, MS: ISSN 2354 0753.
5. Bùi Thị Loan (2018), “*Vận dụng sáng tạo tư tưởng GD của J.A. Cômexki vào thực tế giáo dục phòng chống xâm hại thân thể cho học sinh tiểu học*”, Tạp chí Giáo dục, MS: ISSN 2354 0753.
6. Bùi Thị Loan (2018), “*Biện pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “*Vai trò của Tâm lý học đường trong việc đảm bảo sức khỏe tâm lý cho học sinh và gia đình*”.
7. Bùi Thị Loan, Đinh Thị Hường (2019), “*Thực trạng và biện pháp giáo dục tìm kiếm sự giúp đỡ cho học sinh lớp 4 khi có nguy cơ xâm hại tình dục*”, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 5/2019, MS: ISSN 2354 0753.
8. Bùi Thị Loan, Đinh Thị Hường (2019), “*Giáo dục tìm kiếm sự giúp đỡ khi có nguy cơ bị xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học*”, Tạp chí giáo dục và xã hội số đặc biệt , ISSN 1859 – 3917.
9. Bùi Thị Loan, Nguyễn Thị Khánh Linh (2020), “*Thực trạng giáo dục tự bảo vệ bản thân cho học sinh tiểu học trên địa bàn huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*”, Tạp chí giáo dục số 476, ISSN 2354 – 0753, tháng 4/2020.

Công trình sản phẩm nghiên cứu khoa học

1. Bùi Thị Loan (chủ nhiệm đề tài) (2019), “*Giáo dục kỹ năng ứng phó với hành vi xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học*”, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường Đại học Hùng Vương. Đây là công trình NCKH đã đạt **giải Nhì** và **Huy chương bạc** tại Hội thi sáng tạo kỹ thuật do Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh Phú Thọ tổ chức năm 2020.

2. Bùi Thị Loan (chủ nhiệm đề tài) (2020), “*Xây dựng tài liệu cho học sinh tiểu học nhận diện nguy cơ xâm hại tình dục*”, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường Đại học Hùng Vương.
3. Bùi Thị Loan (Chủ biên) (2020), “*Truyện tranh Phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học*”, Nhà xuất bản Mĩ Thuật, mã số sách tiêu chuẩn quốc tế: ISBN: 978-604-9939-32-7.
4. Bùi Thị Loan (Chủ nhiệm đề tài) (2021), *Xây dựng tài liệu hướng dẫn HSTH giáo dục kỹ năng tự bảo vệ thông qua hoạt động trải nghiệm*”, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.

Công trình sản phẩm đào tạo

Hướng dẫn 2 nhóm sinh viên làm đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) và 3 sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp có liên quan tới lĩnh vực luận án nghiên cứu:

STT	Tên đề tài	Lớp	Chủ nhiệm đề tài	Ghi chú
1	Giáo dục tìm kiếm sự giúp đỡ cho HSTH khi có nguy cơ XHTD	K14 Đại học GDTH A	Đinh Thị Hương- Đinh Thị Anh Đào	NCKH 2019
2	Thiết kế một số chủ đề GDKN ứng phó với hành vi xâm hại thân thể cho HSTH	K14 Đại học GDTH B	Bùi Vũ Mỹ Linh	Khóa luận 2019
3	Giáo dục tích hợp tìm kiếm sự giúp đỡ khi có nguy cơ XHTD cho HS lớp 4 thông qua môn KNS.	K14 Đại học GDTH A	Đinh Thị Hương	Khóa luận 2020
4	Phòng chống xâm hại cho HSTH thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp.	K15 Đại học GDTH A	Đào Thị Khánh Linh - Đào Khánh Chi	NCKH 2020
5	Giáo dục kỹ năng bảo vệ bản thân cho HS lớp 4 thông qua hoạt động trải nghiệm.	K15 Đại học GDTH B	Trần Thị Thúy Nhiệm	Khóa luận 2020